

Bản án số: 78/2024/DS-ST
Ngày: 23-5-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tài

Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 439/2023/TLST - DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1967. Nơi cư trú: số C, ấp A, xã A, huyện T tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1994. Nơi cư trú: số C, ấp A, xã A, huyện T tỉnh Bến Tre. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn N (K), sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Xuân H có trình bày:

Ông Huỳnh Văn N tên gọi khác là K có mua thức ăn, thuốc thủy sản của Đại lý T2 do ông Phạm Văn T làm chủ từ ngày 27/4/2020 đến ngày 20/9/2020 âm lịch, sau đó hai bên chốt nợ ông Huỳnh Văn N còn nợ lại số tiền là 206.429.000 đồng, ông N có ký tên xác nhận nợ sau đó ông N có trả được 5.429.000 đồng số tiền thiếu còn lại là 201.000.000 đồng (hai trăm lẻ một triệu đồng). Qua nhiều lần ông Phạm Văn T yêu cầu ông N trả tiền để thu hồi số tiền nợ trên nhưng ông N không có thiện chí để trả nợ. Nên ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Huỳnh Văn N (K) có nghĩa vụ trả số tiền 201.000.000 đồng (hai trăm lẻ một triệu đồng)

và yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày Tòa án thụ lý đến khi giải quyết xong vụ án theo lãi suất 0,83%/tháng.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình tố tụng có bản tự khai trình bày:*

Tôi thừa nhận có nợ ông Phạm Văn T số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm là 201.000.000 (hai trăm lẻ một triệu) đồng, nhưng tôi đã trả 02 lần cho ông T với số tiền là 20.400.000 đồng nên tôi chỉ còn nợ ông T số tiền 180.600.000 (một trăm tám mươi triệu, sáu trăm nghìn) đồng. Tôi đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 180.600.000 đồng (một trăm tám mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn ông Huỳnh Văn N có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Xuân H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Huỳnh Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Tòa án xử xét xử vắng mặt anh H và ông Nghĩa 1 đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong vụ án này, quá trình tố tụng Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính “quyết toán cuối năm” và hóa đơn có nội dung tổng nợ 206.429.000 đồng có chữ ký của ông Huỳnh Văn N. Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông Phạm Văn T với ông Huỳnh Văn N trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ về nội dung và đúng các quy định của pháp luật nên hợp pháp.

[3] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn N thừa nhận có nợ tiền mua bán thức ăn nuôi tôm với ông Phạm Văn T và có ký tên xác nhận nợ trong hóa đơn nên đây là vấn đề không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Huỳnh Văn N thừa nhận còn nợ ông Phạm Văn T số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm là 201.000.000 (hai trăm lẻ một triệu) đồng, nhưng cho rằng có trả cho ông T 02 lần với số tiền là 20.400.000 đồng nên chỉ còn nợ ông T số tiền 180.600.000 (một trăm tám mươi triệu, sáu trăm nghìn) đồng, nhưng quá trình tố tụng Tòa án đã yêu cầu ông N cung cấp các tài liệu,

chứng cứ chứng minh có trả 02 lần tiền nhưng ông không cung cấp được, việc ông N cho rằng có trả cho ông T là 20.400.000 đồng không được nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét lời trình bày của ông.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Xét thấy ông Huỳnh Văn N thừa nhận còn nợ Phạm Văn T số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm là 201.000.000 (hai trăm lẻ một triệu) đồng và hai bên chốt nợ ngày 20/9/2020 âm lịch nhưng ông N không thực hiện việc trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ trả lãi suất chậm trả của số tiền gốc 201.000.000 đồng tính từ ngày Tòa án thụ lý (ngày 20/10/2023) đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 23/5/2024) tính tròn là 07 tháng, 03 ngày với mức lãi suất 0,83%.tháng với số tiền lãi (201.000.000 đồng x 0,83% x 07 tháng, 03 ngày) tính tròn là 11.845.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do ông Huỳnh Văn N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc ông Huỳnh Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T1 tổng số tiền 212.845.000 đồng (hai trăm mười hai triệu, tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) [trong đó 201.000.000 đồng tiền gốc và 11.845.000 đồng tiền lãi] là đúng quy định của pháp luật.

[5] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn N (Khởi) phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Buộc ông Huỳnh Văn N (Khởi) phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn T số tiền 212.845.000 đồng (hai trăm mười hai triệu, tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) [trong đó 201.000.000 đồng tiền gốc và 11.845.000 đồng tiền lãi].

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn N (Khởi) phải có nghĩa vụ chịu 10.642.250 đồng (mười triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm năm mươi đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.025.000 đồng (năm triệu không trăm hai mươi lăm ngàn) cho ông Phạm Văn T (do Phạm Xuân H nộp thay) theo biên lai thu số 0000319 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương